

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 31

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (viết tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29/03/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 01/08/2019.

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **HFC PETROLEUM CORPORATION** (Tên viết tắt là **HFC., CORP**)

Trụ sở chính của Công ty tại: **Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung – Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.**

**Công ty con được hợp nhất**

Các Công ty con của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC được hợp nhất trong năm bao gồm:

- Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC;
- Công ty TNHH Dịch vụ HFC.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Trọng Hậu	Chủ tịch HĐQT
	Bà Nguyễn Thị Minh Hiền	Thành viên
	Ông Nguyễn Phi Thái	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Trọng Hậu	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Phi Thái	Phó Tổng Giám đốc

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Trọng Hậu**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020*

Số: 320/2020/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC, được lập ngày 26/03/2020, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



A blue handwritten signature, likely belonging to Lưu Anh Tuấn.

---

**Bùi Thị Thúy****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

---

**Lưu Anh Tuấn****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2019-137-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>222.056.386.008</b>	<b>243.726.065.544</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>13.477.613.481</b>	<b>21.990.604.423</b>
1. Tiền	111		13.477.613.481	21.990.604.423
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>189.955.343.801</b>	<b>205.403.886.682</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	180.376.033.065	192.269.276.325
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	2.339.124.059	5.637.271.510
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	7.240.186.677	7.497.338.848
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>16.325.224.907</b>	<b>14.660.599.865</b>
1. Hàng tồn kho	141		16.325.224.907	14.660.599.865
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.298.203.819</b>	<b>1.670.974.574</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	2.136.163.611	1.670.836.087
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		82.927.740	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	79.112.468	138.487
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>114.013.730.792</b>	<b>105.212.228.278</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7.782.000</b>	<b>7.480.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	7.782.000	7.480.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>59.520.501.100</b>	<b>59.329.195.023</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	52.637.878.513	52.023.078.092
- Nguyên giá	222		84.364.030.723	76.182.623.288
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.726.152.210)	(24.159.545.196)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	6.882.622.586	7.306.116.931
- Nguyên giá	228		10.637.756.591	10.637.756.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.755.134.005)	(3.331.639.660)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.9</b>	<b>13.609.745.693</b>	<b>2.757.968.109</b>
1. Nguyên giá	231		16.557.058.728	5.274.649.746
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.947.313.035)	(2.516.681.637)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>16.429.669.581</b>	<b>21.309.733.941</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	16.429.669.581	21.309.733.941
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.11</b>	<b>4.965.537.150</b>	<b>3.148.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.965.537.150	4.965.537.150
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.817.537.150)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>19.480.495.269</b>	<b>18.659.851.205</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	19.480.495.269	18.659.851.205
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>336.070.116.800</b>	<b>348.938.293.822</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>268.427.902.226</b>	<b>283.674.633.748</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>261.253.048.803</b>	<b>276.357.734.432</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	57.797.543.136	85.649.678.230
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	519.618.667	197.442.049
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	891.515.314	1.698.783.120
4. Phải trả người lao động	314		4.049.875.281	6.541.530.624
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		763.962.910	654.504.402
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		125.000.024	65.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	6.513.019.839	4.963.007.959
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	190.000.000.000	175.900.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		592.513.632	687.788.048
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.174.853.423</b>	<b>7.316.899.316</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	2.927.441.316	2.131.441.316
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	3.631.680.004	5.185.458.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		615.732.103	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>67.642.214.574</b>	<b>65.263.660.074</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>67.642.214.574</b>	<b>65.263.660.074</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		64.553.350.000	60.899.990.000
- CP phổ thông có quyền biểu quyết	411a		64.553.350.000	60.899.990.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.725.583	1.247.725.953
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.627.647.229	2.580.424.417
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(830.279.667)	569.136.347
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.457.926.896	2.011.288.070
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		431.491.762	535.519.704
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>336.070.116.800</b>	<b>348.938.293.822</b>

Người lập



Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng



Phạm Thị Liên Hương

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Hậu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	2.177.034.558.256	2.279.057.465.606
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		2.177.034.558.256	2.279.057.465.606
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	2.071.240.729.535	2.168.940.207.636
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		105.793.828.721	110.117.257.970
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	23.290.120	18.355.869
7. Chi phí tài chính	22	5.22	12.864.138.109	13.298.308.026
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.617.091.923	12.079.297.662
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		53.904.454.646	50.085.185.963
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		32.476.911.016	39.419.099.085
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>				
11. <b>kinh doanh</b> {30 = 20 + (21-22) + 24 - (25+26)}	30		6.571.615.070	7.333.020.766
12. Thu nhập khác	31		1.274.629.679	279.980.738
13. Chi phí khác	32		1.924.035.524	833.265.540
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.23	(649.405.845)	(553.284.801)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		5.922.209.226	6.779.735.964
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	206.607.298	2.381.175.365
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		615.732.103	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.099.869.825	4.398.560.599
19. LNST của Công ty mẹ	61		5.203.897.766	4.403.869.088
20. LNST của Cổ đông không kiểm soát	62		(104.027.941)	(5.308.489)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	829	682

Người lập



Nguyễn Thị Lan

Kế toán trưởng



Phạm Thị Liên Hương

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Hậu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
1	2	3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.922.209.226	6.779.735.964
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	9.273.752.431	7.646.858.758
- Các khoản dự phòng	03	(3.078.660.515)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(580.618.832)	(18.355.869)
- Chi phí lãi vay	06	13.617.091.923	12.079.297.662
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		25.153.774.233	26.487.536.515
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	16.184.138.406	(19.469.524.971)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.664.625.042)	(1.049.712.640)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(30.703.260.391)	50.409.854.328
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.437.896.755)	(3.614.853.441)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(13.077.522.263)	(11.846.282.700)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(610.000.000)	1.916.496.688
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.115.278.635)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.270.670.447)	42.833.513.779
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.811.832.619)	(16.914.643.198)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.290.120	18.355.869
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.788.542.499)	(16.896.287.329)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	922.300.000.000	890.998.600.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(909.753.777.996)	(916.686.192.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(5.453.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	12.546.222.004	(31.141.492.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(8.512.990.942)	(5.204.265.550)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	21.990.604.423	27.194.869.973
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	13.477.613.481	21.990.604.423

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Lan

Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu

# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC (viết tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Xăng dầu Chất đốt Hà Nội, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1533/QĐ-UB ngày 29/03/2006 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0100108159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 9 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 01/08/2019.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HFC PETROLEUM CORPORATION, (viết tắt là HFC., CORP).

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 64.553.350.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp đến 31/12/2019	Tỷ lệ
		(VND)	% sở hữu
Công ty Xăng dầu Khu vực I	951.615	9.516.150.000	14,7%
Ông Nguyễn Trọng Hậu	597.289	5.972.890.000	9,3%
Các cổ đông khác	4.906.431	49.064.310.000	76%
<b>Tổng</b>	<b>6.455.335</b>	<b>64.553.350.000</b>	<b>100%</b>

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết:
  - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
  - Bán buôn dầu thô;
  - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan:
    - + Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa
    - + Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác;
  - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh
- Vận tải hàng hóa đường bộ
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Cho thuê văn phòng.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...)
- Dịch vụ ăn uống khác.
- Dịch vụ phục vụ đồ uống

**1.2 Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)**

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết:
  - Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
  - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
  - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự
- Hoạt động của các cơ sở thể thao
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao
- Hoạt động thể thao khác
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
- Bán buôn đồ dung khác cho gia đình. Chi tiết:
  - Bán buôn hàng gốm sứ, thủy tinh;
  - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác.
- Bán buôn thực phẩm
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu  
Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác  
Chi tiết:
  - Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.
  - Bán lẻ phụ tùng các bộ phận phụ trợ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống): săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác.
  - Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý bảo hiểm.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: kinh doanh xăng dầu nhiên liệu.

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc và công ty con như sau:

<b>Đơn vị trực thuộc</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Hình thức kế toán</b>	
Chi nhánh Công ty CP Xăng dầu HFC tại Thái Nguyên	Kinh doanh xăng dầu	Hạch toán phụ thuộc	
Chi nhánh Công ty CP Xăng dầu HFC tại Nghệ An	Kinh doanh xăng dầu	Hạch toán phụ thuộc	
Chi nhánh Công ty CP Xăng dầu HFC tại Hải Phòng	Kinh doanh xăng dầu	Hạch toán phụ thuộc	
<b>Công ty con</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Tỷ lệ % góp vốn</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC	Vận chuyển xăng dầu	89.20%	89.20%
Công ty TNHH Dịch vụ HFC	Kinh doanh ăn uống	100.00%	100.00%

# CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

### 1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp: 01066665780 được cấp lần đầu ngày 14/10/2014. Công ty có trụ sở tại Tầng F3 - Tòa nhà 187 phố Nguyễn Lương Bằng - Phường Quang Trung - Quận Đống Đa - Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC chiếm 89,2% vốn.

Công ty TNHH Dịch vụ HFC là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp: 0107453436 cấp lần đầu ngày 30/05/2016, thay đổi lần thứ 2 ngày 18/12/2018. Công ty có trụ sở tại Số 07 Dã Tượng, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Tổng vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC chiếm 100% vốn.

## 2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC, Công ty con là: Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Thương mại HFC và Công ty TNHH Dịch vụ HFC.

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Công cụ tài chính**

###### Ghi nhận ban đầu

###### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí gia dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

###### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

###### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Công ty không trích lập là do không có giảm giá hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

**a. Nguyên tắc kế toán****Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Thời gian khấu hao (số năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Phần mềm quản lý hệ thống	05
Quyền sử dụng đất	50

Tài sản cố định vô hình là giá trị Quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm quản lý hệ thống được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng và phân bổ không quá 24 tháng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (tiếp theo)**

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Vận tải Hà Nội, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xăng dầu, vận chuyển đường bộ và lĩnh vực khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU B 09 - DN/HN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31.12.2019	01.01.2019
	VND	VND
Tiền mặt	4.690.350.696	9.992.390.071
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.787.262.785	11.998.214.352
<b>Tổng</b>	<b>13.477.613.481</b>	<b>21.990.604.423</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31.12.2019	01.01.2019
	VND	VND
XN xe buýt Hà Nội - CN TCT Vận tải Hà Nội	15.879.510.514	18.840.280.237
XN xe buýt Thăng Long Hà Nội	4.393.810.299	7.934.536.084
XN xe buýt 10-10 Hà Nội	3.819.769.234	4.256.342.542
Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Liên Ninh	5.728.865.816	7.351.820.494
Công ty CP xe khách Hà Nội	3.564.879.649	7.459.672.240
XN xe buýt Cầu Bươu - CN TCT	7.225.905.863	8.592.978.897
Vận tải Hà Nội	4.110.670.609	4.130.670.609
Công ty CP Đầu tư XNK Trịnh Gia	2.016.414.100	2.016.414.100
Công ty CP Vận tải xăng dầu Quý An	1.642.082.695	2.624.366.985
Công ty CP Thương mại Việt Nga	131.994.124.286	129.062.194.137
Phải thu các khách hàng khác	131.994.124.286	129.062.194.137
<b>Tổng</b>	<b>180.376.033.065</b>	<b>192.269.276.325</b>

*Trong đó: Phải thu khách hàng là các biên liên quan*

Công ty CP Xe khách Hà Nội	3.564.879.649	7.459.672.240
----------------------------	---------------	---------------

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31.12.2019	01.01.2019
	VND	VND
Công ty CP XD Công nghệ & MT Quang Minh	755.001.000	-
Công ty CP TM và Ứng dụng công nghệ TP	330.000.000	-
Công ty CP ĐTXD và TM Công Năng	232.119.460	-
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng 116	-	1.950.000.000
Công ty TNHH Xây Dựng Hoàng Huy Hải Phòng	-	1.800.000.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	1.022.003.599	1.887.271.510
<b>Tổng</b>	<b>2.339.124.059</b>	<b>5.637.271.510</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	7.240.186.677	-	7.497.338.848	-
Tạm ứng	5.332.177.252	-	5.315.854.306	-
Phải thu khác	1.908.009.425	-	2.181.484.542	-
b) Dài hạn	7.782.000	-	7.480.000	-
Phải thu khác	7.782.000	-	7.480.000	-
<b>Tổng</b>	<b>7.247.968.677</b>	<b>-</b>	<b>7.504.818.848</b>	<b>-</b>

**5.5 Hàng tồn kho**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	183.968.420	-	169.530.581	-
Công cụ dụng cụ	2.372.066.170	-	1.493.649.833	-
Hàng hóa	13.769.190.317	-	12.997.419.451	-
<b>Tổng</b>	<b>16.325.224.907</b>	<b>-</b>	<b>14.660.599.865</b>	<b>-</b>

**5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**

	31.12.2019 VND	01.01.2019 VND
a) Ngắn hạn	2.136.163.611	1.670.836.087
Chi phí công cụ, dụng cụ, sửa chữa, cải tạo nhỏ	525.574.455	1.670.836.087
Chi phí bảo hiểm và các chi phí khác khác	1.610.589.156	-
b) Dài hạn	19.480.495.269	18.659.851.205
Chi phí thuê tài sản gắn liền trên đất tại cửa hàng Cầu Cắm, Nghệ An và các chi phí khác	288.225.749	1.839.582.810
Chi phí sửa chữa các cửa hàng và công cụ, dụng cụ tại Hà Nội và các chi phí khác	8.862.611.001	6.355.597.877
Chi phí thuê tại các cửa hàng xăng dầu Thái Nguyên	-	189.046.789
Chi phí thuê, đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu tại Hải Phòng và các chi phí khác	10.329.658.519	10.275.623.729
<b>Tổng</b>	<b>21.616.658.880</b>	<b>20.330.687.292</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư ngày 01/01/2019	35.448.084.386	17.284.741.812	19.716.713.180	3.733.083.910	76.182.623.288
- Mua sắm	-	1.311.295.056	2.750.609.091	383.096.364	4.445.000.511
- Đầu tư XD CB	5.725.056.924	-	-	-	5.725.056.924
- Thanh lý, nhượng bán	-	(302.600.000)	(1.647.350.000)	(38.700.000)	(1.988.650.000)
Số dư ngày 31/12/2019	41.173.141.310	18.293.436.868	20.819.972.271	4.077.480.274	84.364.030.723
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư ngày 01/01/2019	6.911.554.952	7.109.132.639	8.148.174.731	1.990.682.875	24.159.545.196
- Khấu hao trong năm	2.479.332.919	2.639.577.871	2.705.994.293	594.721.605	8.419.626.688
- Thanh lý, nhượng bán	-	(105.069.444)	(723.918.778)	(24.031.452)	(853.019.674)
Số dư ngày 31/12/2019	9.390.887.871	9.643.641.066	10.130.250.245	2.561.373.028	31.726.152.210
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư ngày 01/01/2019	28.536.529.434	10.175.609.173	11.568.538.450	1.742.401.035	52.023.078.092
Số dư ngày 31/12/2019	31.782.253.439	8.649.795.802	10.689.722.027	1.516.107.246	52.637.878.513

**5.8 Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư ngày 01/01/2019	8.975.572.591	1.610.884.000	51.300.000	10.637.756.591
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2019	8.975.572.591	1.610.884.000	51.300.000	10.637.756.591
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư ngày 01/01/2019	1.974.438.591	1.305.901.069	51.300.000	3.331.639.660
- Khấu hao trong năm	179.508.000	243.986.345	-	423.494.345
Số dư ngày 31/12/2019	2.153.946.591	1.549.887.414	51.300.000	3.755.134.005
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư ngày 01/01/2019	7.001.134.000	304.982.931	-	7.306.116.931
Số dư ngày 31/12/2019	6.821.626.000	60.996.586	-	6.882.622.586

Quyền sử dụng đất gồm:

Đất tại số 7 phố Dã Tượng, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Vị trí: Thửa đất số: số 2, tờ bản đồ số 00, Diện tích: 112 m<sup>2</sup>, Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 28/01/2008, Mục đích: Thực hiện Dự án xây dựng Cửa hàng kinh doanh và Văn phòng cho thuê (Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh), Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp theo Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 24/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội

Đất tại số 1 phố Thi Sách, phường Ngô Thị Nhậm, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Vị trí: Thửa đất số: số 2, tờ bản đồ số 00, Diện tích: 72,7 m<sup>2</sup>, Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 11/12/2007, Mục đích: Thực hiện Dự án xây dựng Văn phòng kết hợp dịch vụ (Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh), Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này được cấp theo Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 24/02/2009 của UBND Thành phố Hà Nội.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.9 Bất động sản đầu tư***Đơn vị tính: VND*

<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Số cuối năm</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>5.274.649.746</b>	<b>11.282.408.982</b>	-	<b>16.557.058.728</b>
Văn phòng Số 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	666.654.200	1.248.576.767	-	1.915.230.967
VP 456 Trần Khát Chân	1.737.952.455	-	-	1.737.952.455
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách	2.139.473.836	-	-	2.139.473.836
Quầy Kios	419.189.655	-	-	419.189.655
Nhà hàng số 7 Dã Tượng	-	10.033.832.215	-	10.033.832.215
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>	<b>2.516.681.637</b>	<b>430.631.398</b>	-	<b>2.947.313.035</b>
Văn phòng Số 233 Khâm Thiên	311.379.600	-	-	311.379.600
Nhà 63 Tô Hiến Thành	609.753.573	78.393.378	-	688.146.951
VP 456 Trần Khát Chân	891.095.601	70.571.400	-	961.667.001
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách	285.263.208	47.543.868	-	332.807.076
Quầy Kios	419.189.655	-	-	419.189.655
Nhà hàng số 7 Dã Tượng	-	234.122.752	-	234.122.752
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	<b>2.757.968.109</b>	-	-	<b>13.609.745.693</b>
Văn phòng Số 233 Khâm Thiên	-	-	-	-
Nhà 63 Tô Hiến Thành	56.900.627	-	-	1.227.084.016
VP 456 Trần Khát Chân	846.856.854	-	-	776.285.454
Nhà 6 tầng số 1 Thi Sách	1.854.210.628	-	-	1.806.666.760
Quầy Kios	-	-	-	-
Nhà hàng số 7 Dã Tượng	-	-	-	9.799.709.463

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

<b>Nội dung</b>	<b>31/12/2019 (VND)</b>		<b>01/01/2019 (VND)</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>
Dự án Nhà hàng Thi Sách	3.743.039.591	3.743.039.591	-	-
Dự án 64 đường Láng	4.237.620.658	4.237.620.658	-	-
Dự án 63 Tô Hiến Thành	-	-	1.248.576.767	1.248.576.767
Dự án Dã Tượng	-	-	10.033.832.215	10.033.832.215
Dự án số 1 Đông Tác	280.548.714	280.548.714	280.548.714	280.548.714
Dự án 233 Khâm Thiên	646.986.042	646.986.042	646.986.042	646.986.042
Dự án 17 Hồng Mai	478.501.271	478.501.271	478.501.271	478.501.271
Cửa hàng XD Đồng Tháp	6.489.667.442	6.489.667.442	6.360.757.582	6.360.757.582
Dự án 438 Trần Khát Chân	-	-	576.859.364	576.859.364
Dự án khác	553.305.863	553.305.863	1.683.671.986	1.683.671.986
<b>Tổng</b>	<b>16.429.669.581</b>	<b>16.429.669.581</b>	<b>21.309.733.941</b>	<b>21.309.733.941</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.11 Đầu tư tài chính dài hạn**

Nội dung	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>				
Công ty CP Xe khách Hà Nội (Mã CXH - Sàn UpCOM)	4.965.537.150	4.965.537.150	4.965.537.150	3.148.000.000
<b>Tổng</b>	<b>4.965.537.150</b>	<b>4.965.537.150</b>	<b>4.965.537.150</b>	<b>3.148.000.000</b>

**Thông tin về công ty liên kết**

Công ty liên kết	Trụ sở chính	Số cổ phiếu HFC nắm giữ	Vốn điều lệ CXH (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Xe khách Hà Nội (Mã CXH - Sàn UpCOM)	Gác 2, Bến xe Gia Lâm, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội	452.525	1.885.306	24,0%	Vận tải liên tỉnh, xe buýt, khai thác điểm đỗ xe

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

Nội dung	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Xăng dầu KVI	39.348.390.095	39.348.390.095	40.417.657.509	40.417.657.509
Công ty TNHH Hải Linh	9.999.579.524	9.999.579.524	25.934.973.574	25.934.973.574
Công ty TNHH LPK	2.978.020.925	2.978.020.925	3.002.592.450	3.002.592.450
Công ty TNHH MTV KDTM Xăng dầu Mípec	-	-	2.999.242.330	2.999.242.330
Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	424.016	424.016	4.345.535.747	4.345.535.747
Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Hoàng Trọng	1.893.597.105	1.893.597.105	-	-
Phải trả các đối tượng khác	3.577.531.471	3.577.531.471	8.949.676.620	8.949.676.620
<b>Tổng</b>	<b>57.797.543.136</b>	<b>57.797.543.136</b>	<b>85.649.678.230</b>	<b>85.649.678.230</b>

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty TNHH Lotte Rent - A -Car - Vina	118.234.900	-
Công ty TNHH A Sóc	151.406.047	-
Bệnh viện Phổi Hà Nội	-	20.010.860
Doanh nghiệp tư nhân Phương Anh	26.939.906	26.939.906
Công ty TNHH Xăng dầu Cầu Bài	27.795.340	-
Các đối tượng khác	195.242.474	150.491.283
<b>Tổng</b>	<b>519.618.667</b>	<b>197.442.049</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Nội dung	01/01/2019 (VND)		Phát sinh		31/12/2019 (VND)	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.263.667.951	7.723.192.489	8.145.714.709	-	841.145.730
Thuế thu nhập doanh nghiệp	138.487	339.532.775	206.607.298	610.000.000	63.998.414	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	95.582.394	744.575.566	806.615.021	15.114.054	50.369.584
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	7.154.810.454	7.154.810.454	-	-
Các loại thuế khác	-	-	27.000.000	27.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	54.399.057	54.399.057	-	-
<b>Tổng</b>	<b>138.487</b>	<b>1.698.783.120</b>	<b>15.910.584.864</b>	<b>16.798.539.241</b>	<b>79.112.468</b>	<b>891.515.314</b>

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	273.433.626	236.721.812
Chi phí phải trả khác	490.529.284	417.782.590
<b>Tổng</b>	<b>763.962.910</b>	<b>654.504.402</b>

**5.16 Các khoản phải trả khác**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Phải trả, phải nộp ngắn hạn</b>	<b>6.513.019.839</b>	<b>4.963.007.959</b>
Kinh phí công đoàn	349.079.849	165.366.580
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	3.586.452	55.726.635
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.160.353.538	4.741.914.744
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>336.465.200</i>	<i>336.465.200</i>
<i>Công ty Cổ phần Parus (*)</i>	<i>1.875.000.000</i>	<i>1.645.000.000</i>
<i>Công ty CP Transmedia (**)</i>	<i>1.898.000.000</i>	-
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>2.050.888.338</i>	<i>2.760.449.544</i>
<b>b) Phải trả, phải nộp dài hạn</b>	<b>2.927.441.316</b>	<b>2.131.441.316</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.927.441.316	2.131.441.316
<b>Tổng</b>	<b>9.440.461.155</b>	<b>7.094.449.275</b>

(\*): Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 565/HĐHT/TRANSERCO-HFC-PARUS ngày 28/10/2014 giữa: Trung tâm TM và DV - Tổng Công ty Vận tải Hà Nội (Bên A), Công ty Cổ phần Xăng dầu chất đốt Hà Nội (Bên B - nay là Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC) và Công ty Cổ phần Parus (Bên C) về việc hợp tác đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Yên Viên - Gia Lâm.

(\*\*): Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT/HFC-TRANSMEDIA ngày 16/09/2019 giữa Công ty cổ phần Transmedia (Bên A) và Công ty cổ phần xăng dầu HFC (Bên B) về việc hợp tác đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Mai Dịch 1; Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HĐHT/HFC-TRANSMEDIA ngày 16/09/2019 giữa Công ty cổ phần Transmedia (Bên A) và Công ty cổ phần xăng dầu HFC (Bên B) về việc hợp tác đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Mai Dịch 2.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN/HN

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**

Nội dung	Trong năm				Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
	31/12/2019 (VND)	Tăng	Giảm	01/01/2019 (VND)			
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>190.000.000.000</b>	<b>920.500.000.000</b>	<b>906.400.000.000</b>	<b>175.900.000.000</b>	<b>175.900.000.000</b>	<b>175.900.000.000</b>	<b>175.900.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hoàn Kiếm (1)	100.500.000.000	452.000.000.000	437.500.000.000	86.000.000.000	86.000.000.000	86.000.000.000	86.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Hoàn Kiếm (2)	67.500.000.000	242.000.000.000	229.500.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	15.000.000.000	146.500.000.000	159.500.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Sở Giao dịch (4)	7.000.000.000	80.000.000.000	79.900.000.000	6.900.000.000	6.900.000.000	6.900.000.000	6.900.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>3.631.680.004</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>3.353.777.996</b>	<b>5.185.458.000</b>	<b>5.185.458.000</b>	<b>5.185.458.000</b>	<b>5.185.458.000</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội	605.900.000	-	1.380.700.000	1.986.600.000	1.986.600.000	1.986.600.000	1.986.600.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Hoàn Kiếm	-	-	1.533.358.000	1.533.358.000	1.533.358.000	1.533.358.000	1.533.358.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế VN	1.225.780.004	-	439.719.996	1.665.500.000	1.665.500.000	1.665.500.000	1.665.500.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-	-	-	-
Thương Tín - CN Đồng Đô	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng:</b>	<b>193.631.680.004</b>	<b>922.300.000.000</b>	<b>909.753.777.996</b>	<b>181.085.458.000</b>	<b>181.085.458.000</b>	<b>181.085.458.000</b>	<b>181.085.458.000</b>

(1): Khoản vay theo HĐCVHM số 10/2019-HĐCVHM/NHCT122-HFC ngày 6/08/2019, hạn mức vay 120 tỷ VND, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu.

(2): Khoản vay theo HĐTD số 01/4818668/HĐTDHMH ngày 26/06/2019, hạn mức vay 180 tỷ VND, lãi suất vay và thời hạn vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay: để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu. Tài sản đảm bảo: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 7 Dã Tượng, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 24038.19.002.1486666.TD, Hạn mức: 50.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá 03 tháng đối với mỗi lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh sản phẩm xăng, dầu. Lãi suất được xác định trên từng lần giải ngân, theo chế độ lãi suất của Ngân hàng TMCP Quân đội trong từng thời kỳ.

(4) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo HĐCVTHM số KH2-190269/HĐCV-HFC hạn mức vay 50.000.000.000 đồng thời hạn vay 3 tháng đối với mỗi lần giải ngân. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.18 Vốn chủ sở hữu**

**a) Biến động vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quy đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	60.899.990.000	999.054.671	1.568.897.894	540.828.193	64.008.770.758
Lợi nhuận sau thuế	-	-	4.403.869.088	-	4.403.869.088
Tăng trong năm	-	248.671.282	-	-	248.671.282
Trả lãi liên doanh liên kết	-	-	(1.935.000.000)	-	(1.935.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ	-	-	(497.342.564)	-	(497.342.564)
Giảm khác	-	-	(960.000.002)	(5.308.489)	(965.308.491)
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>60.899.990.000</b>	<b>1.247.725.953</b>	<b>2.580.424.417</b>	<b>535.519.704</b>	<b>65.263.660.074</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	5.203.897.766	-	5.203.897.766
Tăng khác trong năm (*)	1.247.725.953	-	-	-	1.247.725.953
Trả lãi liên doanh liên kết	-	-	(2.691.000.000)	-	(2.691.000.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	2.405.634.047	-	(2.405.634.047)	-	-
Trích lập quỹ	-	29.725.583	(59.451.167)	-	(29.725.584)
Giảm khác	-	(1.247.725.953)	(589.740)	(104.027.942)	(1.352.343.635)
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>64.553.350.000</b>	<b>29.725.583</b>	<b>2.627.647.229</b>	<b>431.491.762</b>	<b>67.642.214.574</b>

(\*): Trong năm, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ theo Nghị quyết số 21/NQ/HFC-HĐQT ngày 06/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty Xăng dầu Khu vực I	9.516.150.000	8.977.500.000
Ông Nguyễn Trọng Hậu	5.972.890.000	5.634.810.000
Các cổ đông khác	49.064.310.000	46.287.680.000
<b>Tổng</b>	<b>64.553.350.000</b>	<b>60.899.990.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	60.899.990.000	60.899.990.000
Vốn góp tăng trong năm (*)	3.653.360.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	64.553.350.000	60.899.990.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

(\*): Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu bổ xung theo Thông báo số 878/TB-SGDHN ngày 06/08/2019.

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.455.335	6.089.999
Cổ phiếu phổ thông	6.455.335	6.089.999
Cổ phiếu quỹ	-	-
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	6.238.135	6.089.999

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán xăng dầu	2.169.599.070.390	2.271.389.208.732
Doanh thu dịch vụ ăn uống	2.543.152.573	4.509.892.973
Doanh thu vận tải	431.506.472	256.000.260
Doanh thu cho thuê cửa hàng, ki ốt, hàng hóa khác	4.460.828.821	2.902.363.641
<b>Tổng</b>	<b>2.177.034.558.256</b>	<b>2.279.057.465.606</b>

**5.20 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán xăng dầu	2.066.236.720.512	2.162.934.234.206
Giá vốn dịch vụ ăn uống	2.913.792.297	4.076.325.708
Giá vốn vận tải	346.499.697	205.568.209
Giá vốn cho thuê cửa hàng, ki ốt, hàng hóa khác	1.743.717.029	1.724.079.513
<b>Tổng</b>	<b>2.071.240.729.535</b>	<b>2.168.940.207.636</b>

**5.21 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	23.290.120	18.355.869
<b>Tổng</b>	<b>23.290.120</b>	<b>18.355.869</b>

**5.22 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi vay	13.617.091.923	12.079.297.662
Phí bảo lãnh	1.064.583.336	1.219.010.364
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(1.817.537.150)	-
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	-	-
<b>Tổng</b>	<b>12.864.138.109</b>	<b>13.298.308.026</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.23 Thu nhập và chi phí khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.274.629.679</b>	<b>279.980.738</b>
Hoa hồng đại lý bảo hiểm	60.255.356	-
Hợp tác kinh doanh	806.000.007	-
Thanh lý TSCĐ	363.636.364	-
Cho thuê xe oto và tài sản khác	-	-
Thu nhập khác	44.737.952	279.980.738
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.924.035.524</b>	<b>833.265.539</b>
Phạt theo biên bản thanh tra, kiểm tra	258.719.205	379.677.906
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	938.099.770	-
Chi phí khấu hao của tài sản cho thuê	323.170.455	352.283.283
Chi phí khác	404.046.094	101.304.350
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(649.405.845)</b>	<b>(553.284.801)</b>

**5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thuế TNDN phải nộp	206.607.298	1.067.769.397
Thuế TNDN phải nộp theo Quyết định của cơ quan thuế	-	1.313.405.968
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>206.607.298</b>	<b>2.381.175.365</b>

**5.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	5.203.897.766	4.403.869.088
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	29.725.583	248.671.282
<b>Lợi nhuận (Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>5.174.172.183</b>	<b>4.155.197.806</b>
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.238.135	6.089.999
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>829</b>	<b>682</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhiên liệu, vật liệu, CCDC	13.572.176.912	10.523.914.571
Chi phí nhân công	47.401.832.132	47.897.196.682
Khấu hao tài sản cố định	9.184.943.527	8.651.756.684
Thuế, phí và lệ phí	382.693.488	309.438.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.199.911.352	23.951.343.622
Chi phí khác bằng tiền	31.036.269.489	29.342.261.848
<b>Tổng</b>	<b>111.777.826.900</b>	<b>120.675.911.919</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch với bên liên quan****Giao dịch với nhân sự chủ chốt**

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thù lao, Lương và thu nhập khác	1.739.579.597	2.744.017.223

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	Công ty liên kết	Xăng dầu	14.106.195.195	20.967.111.903
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội				

**Công nợ với các bên liên quan**

Phải thu với Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty Cổ phần Xe khách Hà Nội	Công ty liên kết	Xăng dầu	3.564.879.649	7.459.672.240

**6.2 Công cụ tài chính**

Theo quy định tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp: Trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn thực hiện chuẩn mực này được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định chưa trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định tại Thông tư 210/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**6.3 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: kinh doanh xăng dầu, vận chuyển xăng dầu và lĩnh vực khác gồm có cho thuê cửa hàng, ki ốt, kinh doanh nhà hàng và dịch vụ khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong hoạt động của Công ty.

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 như sau:

(Ghi chú: Doanh thu, chi phí và Tài sản bộ phận, nợ bộ phận tại ngày 31/12/2019 là số liệu riêng của từng đơn vị, chưa được loại trừ cho mục đích hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

NĂM 2019	Kinh doanh xăng, dầu	Kinh doanh vận tải	Kinh doanh dịch vụ khác	Tổng
Tổng doanh thu	2.175.172.630.253	17.163.184.460	8.603.863.194	2.200.939.677.907
Thu nhập hoạt động tài chính và thu nhập khác	1.252.892.183	371.181.461	3.999.422	1.628.073.066
Giá vốn	2.069.694.784.853	14.630.381.725	5.059.334.378	2.089.384.500.956
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	-	-	-	112.157.238.456
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	1.026.011.561
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	206.607.298
<b>Lợi nhuận trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>819.404.263</b>

Đơn vị tính: VND

NĂM 2019	Kinh doanh xăng, dầu	Kinh doanh vận tải	Kinh doanh dịch vụ khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định và XDCB	66.638.943.377	9.311.227.304	-	75.950.170.681
Hàng tồn kho	16.024.925.643	210.379.479	89.919.785	16.325.224.907
Nợ phải thu	190.978.553.303	481.348.730	800.497.257	192.260.399.290
Tài sản không thể phân bổ	55.457.365.299	1.563.021.963	375.010.484	57.395.397.746
<b>Tổng tài sản</b>	<b>329.099.787.622</b>	<b>11.565.977.476</b>	<b>1.265.427.526</b>	<b>341.931.192.624</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả người bán	57.106.306.380	2.067.278.802	421.231.443	59.594.816.625
Vay ngắn hạn và dài hạn	190.052.400.000	3.579.280.004	500.000.000	194.131.680.004
Phải trả khác không phân bổ	13.980.225.363	1.924.124.573	478.597.047	16.382.946.983
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>261.138.931.743</b>	<b>7.570.683.379</b>	<b>1.399.828.490</b>	<b>270.109.443.612</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU HFC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**6.4 Sự kiện phát sinh trong năm và sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Theo Nghị quyết số 42/2019/NQ-HFC-HĐQT ngày 12/08/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xăng dầu HFC về việc triển khai phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi năm 2019 và Nghị quyết số 53/2019/QĐ-HFC-HĐQT ngày 18/12/2019 của Hội đồng quản trị về việc thông qua điều chỉnh phương án phát hành.

**Thông tin về đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi**

- Tổng giá trị phát hành: 20.000.000.000 đồng
- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/Trái phiếu
- Số lượng trái phiếu phát hành: 200.000 Trái phiếu
- Kỳ hạn Trái phiếu: 01 năm
- Lãi suất Trái phiếu: 0%
- Đối tượng chào bán: Chào bán cho cổ đông hiện hữu
- Mục đích phát hành: Cơ cấu lại các khoản nợ
- Ngày chuyển đổi: Là ngày đáo hạn của Trái phiếu

Việc phát hành Trái phiếu chuyển đổi đã được thực hiện xong trong tháng 03 năm 2020, do đó kết quả của đợt phát hành Trái phiếu chuyển đổi sẽ được ghi nhận trong năm tài chính 2020.

**6.5 Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 được lập dựa trên cơ sở Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần (ít nhất 12 tháng). Công ty không có ý định giải thể hay ngừng hoạt động kinh doanh cũng như bị buộc phải thu hẹp đáng kể hoạt động kinh doanh.

**6.6 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Lan

Phạm Thị Liên Hương

Nguyễn Trọng Hậu